

TIẾP BIẾN VĂN HÓA THÔNG QUA ĐỐI THOẠI TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ^(*)

PHẠM XUÂN NAM^(**)

1. Nhận thức về tiếp biến văn hóa

Bàn về sự đa dạng văn hóa với tư cách vừa là tiền đề vừa là điều kiện cho sự giao lưu giữa các cộng đồng văn hóa khác nhau, người ta không thể không chú ý đến một hiện tượng mà các học giả phương Tây gọi là *acculturation*. Một số nhà nghiên cứu ở nước ta dịch thuật ngữ này là đan xen văn hóa, hỗn dung văn hóa... Nhưng theo Hà Văn Tấn, tất cả những cách dịch đó đều chưa diễn tả đúng nội dung khái niệm này. Ông cho biết, trong một *Bị vong lục* (Memorandum) năm 1936, ba nhà nhân học văn hóa người Mỹ là R. Redfield, R. Linton và M. Herskovits đã định nghĩa: “Dưới từ *acculturation*, ta hiểu là hiện tượng xảy ra khi những nhóm người có văn hóa khác nhau, tiếp xúc lâu dài và trực tiếp, gây ra sự biến đổi mô thức (pattern) văn hóa ban đầu của một hay cả hai nhóm” (Dẫn theo Hà Văn Tấn, 1981).

Căn cứ vào định nghĩa nêu trên, Hà Văn Tấn cho rằng: “Khi hiện tượng *acculturation* xảy ra, không phải chỉ có sự tiếp xúc hay hòa lẫn (đan xen, hỗn

dung...) các văn hóa khác nhau của các nhóm mà quan trọng là có sự biến đổi mô thức văn hóa của các nhóm” (Hà Văn Tấn, 1981). Vì thế, để có thể diễn đạt hai nội dung chủ yếu của khái niệm là *tiếp xúc* và *biến đổi*, ông đề nghị “nên dùng từ *tiếp biến văn hóa* để dịch thuật ngữ *acculturation*” (Hà Văn Tấn, 1981).

Ở đây, từ góc nhìn về sự tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại, ta thấy nổi lên một vấn đề cần làm sáng tỏ là: Phải chăng mọi sự tiếp xúc lâu dài và trực tiếp giữa các nhóm, các cộng đồng văn hóa khác nhau đều dẫn đến biến đổi theo nghĩa *tiếp biến văn hóa* như đã phân tích ở trên? Có thể tìm câu trả lời cho vấn đề đặt ra ấy bằng những dẫn chứng thực tế mà một số nhóm, một số cộng đồng văn hóa đã trải qua trong lịch sử của mình.

^(*) Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài KX.03.04/11-15 “Tác động của tiếp biến và hội nhập văn hóa đến phát triển của Việt Nam hiện nay”.

^{(**) GS. TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.}

Chẳng hạn: Tiếp sau sự kiện Cristoforo Colombo phát hiện ra châu Mỹ vào cuối thế kỷ XV, đến năm 1527, bọn thực dân Tây Ban Nha, nhân danh sứ mệnh “khai hóa văn minh”, đã kéo quân sang chiếm bán đảo Yukatan (thuộc Mexico ngày nay). Trong khoảng trên dưới một thế kỷ, các thế lực xâm lược và thống trị ngoại bang ấy không những đã tiêu diệt cộng đồng người Mayas ở bán đảo này mà còn ra lệnh tàn phá và thiêu hủy mọi di sản văn hóa của dân bản địa, bởi chúng cho đó là sản phẩm của quỷ Sa Tăng! Ai ngờ về sau, những công trình nghiên cứu một số dữ liệu còn sót lại đã chứng tỏ: người Mayas từng đạt đến trình độ hình thành nhà nước dân tộc và có một nền văn hóa độc đáo với chữ viết tượng hình riêng, cùng những thành tựu đáng kể về toán học, y học và thiên văn.

Rõ ràng, trong trường hợp nêu trên, sự tiếp xúc giữa hai cộng đồng văn hóa khác nhau không hề đưa tới sự biến đổi văn hóa của bất cứ bên nào. Trái lại, sự tiếp xúc cưỡng bức bằng bạo lực từ phía bọn xâm lược Tây Ban Nha đã đẩy nền văn hóa từng phát triển rực rỡ một thời của người Mayas đến chỗ diệt vong! Không ít sự kiện tương tự cũng đã lần lượt diễn ra với cộng đồng người Incas và một số cộng đồng người da đỏ khác ở cả Nam Mỹ và Bắc Mỹ trước làn sóng bành trướng của chủ nghĩa thực dân châu Âu trong các thế kỷ XVI-XVII.

Vậy cần có thêm nhân tố tác động nào nữa, thì sự *tiếp xúc* giữa những nhóm, những cộng đồng người có văn hóa khác nhau mới dẫn đến sự *biến đổi* mô thức (hoặc mô hình, kiểu) văn hóa ban đầu của một hay cả hai nhóm, hai cộng đồng?

Theo chúng tôi, nhân tố tác động ấy chính là *đối thoại giữa các nền văn hóa* dưới nhiều hình thức.

2. Quan niệm về đối thoại giữa các nền văn hóa

Đối thoại giữa các nền văn hóa là hiện tượng đã có từ lâu trong lịch sử nhân loại. Hàng ngàn năm rồi, núi cao biển rộng đã bị vượt qua; các cộng đồng người thuộc nhiều bộ lạc, bộ tộc, dân tộc khác nhau đã gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ với nhau nhiều sản phẩm và giá trị văn hóa mà mỗi cộng đồng đều có những phát minh, sáng tạo riêng trong những điều kiện đặc thù về tự nhiên, lịch sử và xã hội của mình. Những sản phẩm, những giá trị văn hóa đó là hết sức đa dạng. Và chính sự đa dạng này mới làm nảy sinh yêu cầu giao lưu, đối thoại giữa chúng.

Về điều này, có ý kiến bản khoản rằng, dường như chỉ sau khi học giả người Mỹ là Samuel Huntington đưa ra thuyết “*Đụng độ giữa các nền văn minh*” (1993), thì nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội yêu chuộng hòa bình trên thế giới mới phản ứng lại bằng việc nêu lên chủ trương đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh.

Thật ra, từ những năm 1980, UNESCO đã đề xướng và tài trợ cho một dự án điều tra, khảo sát, nghiên cứu trên quy mô lớn về *Con đường tơ lụa* nhằm làm sáng tỏ “sự gặp gỡ và đối thoại” giữa các nền văn hóa Á - Âu từ thời cổ - trung đại (UNESCO, 1998, p.VIII).

Hơn một thập niên sau, trong bài phát biểu nhân *Năm quốc tế đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh* (2001), Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc lúc bấy giờ là ông Kofi Annan đã đi đến nhận thức cho rằng: “Trong suốt toàn bộ

lịch sử, các nền văn hóa và văn minh đã trưởng thành, đơm hoa kết trái bằng con đường đối thoại và trao đổi với nhau, học hỏi các nền văn hóa khác và được các nền văn hóa đó cổ vũ tìm kiếm tri thức và sự hiểu biết” (Kofi Annan, 2002, tr.2).

Ông Kōichirō Matsuura – Tổng Giám đốc UNESCO khi đó cũng nói: “Khi toàn cầu hóa được đẩy mạnh và khi sự phụ thuộc lẫn nhau tăng lên, các nền văn minh và văn hóa có nhu cầu sống còn là cần tiếp xúc, cách tân, tác động qua lại, trao đổi và đối thoại trên cơ sở bình đẳng về phẩm giá và sự khoan dung” (Kōichirō Matsuura, 2005, tr.648).

Riêng về nội hàm của khái niệm đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh thì còn ít được bàn tới. Bản thân ông K. Matsuura cho rằng: “Theo nghĩa rộng nhất, đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh là một tiến trình mang đặc trưng giáo dục. Đó là một tiến trình, thông qua đó những con người khác nhau biết được những điều mà họ có chung và học cách tôn trọng quyền khác biệt của người khác” (Kōichirō Matsuura, 2005, tr.645). Về cơ bản, định nghĩa này vẫn chủ yếu nhấn mạnh đến ý nghĩa và mục tiêu của đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh hơn là đi sâu vào nội hàm của khái niệm.

Trong khi còn băn khoăn về những ý kiến nêu trên, thì chúng tôi lại chú ý đến quan niệm của nhà văn hóa học Việt Nam Hữu Ngọc về đối thoại liên văn hóa (intercultural dialogue) – một cách gọi khác của đối thoại giữa các nền văn hóa (dialogue between cultures). Theo Hữu Ngọc, “đối thoại [liên văn

hóa] chỉ là một *hình thức* của tiếp biến văn hóa” (Hữu Ngọc, 2004, tr.102).

Có thể xem đó là một cách quan niệm mang tính gợi mở rất đáng ghi nhận. Song theo thiên nghĩ của chúng tôi, đối thoại giữa các nền văn hóa không phải là một *hình thức* của tiếp biến văn hóa mà là *tác nhân* của sự tiếp biến ấy.

Tuy vậy, để có thể đi tới một định nghĩa về khái niệm đối thoại giữa các nền văn hóa, chúng tôi thấy trước hết cần làm rõ một số khía cạnh chủ yếu có liên quan đến khái niệm này:

Thứ nhất, tiếp xúc văn hóa là điều kiện cần nhưng chưa đủ của biến đổi văn hóa, bởi tiếp xúc văn hóa không tự động dẫn đến sự biến đổi. Như trên đã chứng minh, khi tiếp xúc với văn hóa B, văn hóa A không nhất thiết biến thành A'. Tiếp xúc chỉ dẫn đến biến đổi khi có sự đối thoại giữa các nền văn hóa khác nhau. Tuy vậy, bản thân các nền văn hóa cũng không tự chúng đối thoại với nhau. Chỉ có những con người – với tư cách là chủ thể sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần hợp thành các nền văn hóa khác nhau – mới tham gia vào các cuộc đối thoại văn hóa (Xem Edgar Morin, 2004, p.6).

Thứ hai, đối thoại, theo nghĩa thông thường, là sự trao đổi thông tin, ý tưởng, quan điểm... giữa hai hoặc nhiều người. Còn đối thoại giữa các nền văn hóa thì có thể được quan niệm là tiến trình diễn ra khi có sự tiếp xúc, tương tác - chia sẻ - thấu hóa, dẫn đến biến đổi các giá trị văn hóa (yếu tố cốt lõi của một mô thức văn hóa) – một tiến trình được thực hiện bởi những người đại diện

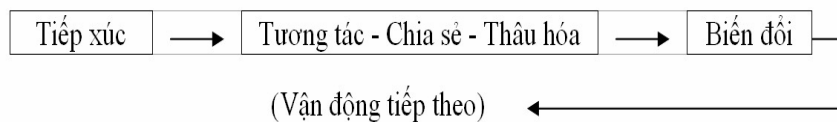
hay thuộc về các cộng đồng văn hóa khác nhau.

Thứ ba, trong chuỗi quan hệ nhân quả từ tiếp xúc đến biến đổi văn hóa, tức tiếp biến văn hóa, thì đối thoại là khâu trung gian tác động đến sự chuyển hóa hay kết hợp giữa các giá trị văn hóa nội sinh với các giá trị văn hóa ngoại sinh của các bên tham gia đối thoại.

Thứ tư, sự chuyển hóa hay kết hợp các giá trị văn hóa thường được thể hiện với nhiều mức độ và cấp độ khác nhau: có những giá trị bị khước từ, có những giá trị được vay mượn, có những giá trị được cải biến, và cũng có những giá trị được sáng tạo mới hoàn toàn nhờ sự gợi ý và thôi thúc của đối thoại.

Từ những điều phân tích ở trên, đến đây chúng tôi thử đưa ra định nghĩa: *“Đối thoại giữa các nền văn hóa là tiến trình diễn ra khi có sự tiếp xúc, tương tác - chia sẻ - thâm hóa, dẫn đến biến đổi các giá trị văn hóa - một tiến trình được thực hiện bởi những người đại diện hay thuộc về các cộng đồng văn hóa khác nhau. Trong chuỗi nhân quả từ tiếp xúc đến biến đổi văn hóa, tức tiếp biến văn hóa, đối thoại là khâu trung gian đóng vai trò tác nhân quy định nội dung, hình thức, phương thức, mức độ và cấp độ chuyển hóa giữa các giá trị văn hóa nội sinh và các giá trị văn hóa ngoại sinh của các bên tham gia đối thoại”*.

Có thể hình dung tiến trình đối thoại giữa các nền văn hóa diễn ra như sơ đồ sau:



Với định nghĩa và sơ đồ nêu trên, sau đây ta có thể sử dụng các cụm từ ngắn gọn là *tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại*, hay *tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa*, hoặc ngắn gọn hơn nữa là *đối thoại giữa các nền văn hóa*.

Đối thoại giữa các nền văn hóa thường được thực hiện dưới nhiều hình thức. Trong đó nổi lên mấy hình thức quan trọng nhất là: Đối thoại trực tiếp bằng lời và đối thoại thông qua nghiên cứu tác phẩm chữ viết hoặc qua quan sát hành vi... Như thực tế lịch sử nước ta đã cho thấy: Trong suốt cuộc hành trình vạn dặm đi tìm đường cứu nước cứu dân, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người đại diện kiệt xuất cho giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đã không ngừng tiến hành đối thoại trực tiếp bằng lời hoặc đối thoại qua tác phẩm với nhiều nhà văn hóa lớn trên thế giới. Nhờ vậy, Người đã có thể tích hợp được những giá trị văn hóa ưu trội của cả phương Đông và phương Tây, để trên cơ sở đó vận dụng và phát triển sáng tạo vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người trên quê hương xứ sở mình.

Nếu mục đích chân chính của tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại là mỗi bên tham gia tiến trình ấy đều biết đánh giá, lựa chọn, tiếp thu những tinh hoa của các nền văn hóa khác để làm giàu thêm bản sắc văn hóa của dân tộc mình, thì những lời dưới đây của Hồ Chí Minh khi trả lời các nhà báo nước ngoài sau Cách mạng tháng Tám

Mình khi trả lời các nhà báo nước ngoài sau Cách mạng tháng Tám

1945 được xem như một biểu đạt điển hình: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng bác ái. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước chúng tôi. Khổng Tử, Giêsu, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội... Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy. Tôi chính là tôi ngày trước, một người yêu nước” (Trần Dân Tiên, 1949, tr.91).

Từ những bài học ngàn đời của ông cha ta thời cổ - trung đại, đặc biệt là từ bài học và tấm gương sáng chói của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thời cận - hiện đại trong việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, ngày nay chúng ta có thể rút ra kết luận: Sự đa dạng văn hóa tạo tiền đề cho sự tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại giữa các cộng đồng văn hóa khác nhau. Đến lượt nó, sự tiếp biến sáng tạo (chứ không phải là sao chép, rập khuôn) thông qua đối thoại giữa các cộng đồng văn hóa ấy vừa làm cho chúng xích lại gần nhau vừa tạo ra sự khác biệt mới để kích thích sự đối thoại tiếp theo.

3. Định hướng bảo tồn sự đa dạng văn hóa và tăng cường tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại trong hội nhập quốc tế

Với tính chất của một chuyên đề nghiên cứu cơ bản gắn với ứng dụng, đến mục này chúng tôi thử đề xuất một số quan điểm có ý nghĩa định hướng cho việc bảo tồn sự đa dạng văn hóa và tăng

cường tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại trong tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay.

Cơ hội và thách thức

Từ cuối những năm 1980, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, tính chất xã hội hóa của nền sản xuất trên thế giới đã vượt xa ra khỏi biên giới các quốc gia riêng rẽ và do đó đã làm cho toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành xu thế không thể đảo ngược, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế, rồi từ kinh tế lan tỏa ra các lĩnh vực khác.

Riêng trên lĩnh vực văn hóa, các phương tiện truyền thông, liên lạc hiện đại, nhất là các “siêu lộ” thông tin với mạng Internet, đã tạo những điều kiện thuận lợi chưa từng có để các dân tộc, các cộng đồng văn hóa ở mọi chân trời, góc biển có thể nhanh chóng trao đổi với nhau về ý tưởng, kiến thức, phát minh, sáng chế, dữ kiện..., qua đó góp phần mở rộng sự hiểu biết về các nền văn hóa của nhau. Nhưng mặt khác, quá trình trên cũng làm nảy sinh mối nguy cơ ghê gớm về sự đồng nhất hóa các hệ thống giá trị, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo đa dạng của các nền văn hóa - nhân tố cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển lành mạnh và bền vững của từng dân tộc và của cả nhân loại. Nguy cơ ấy lại càng tăng lên khi một số thế lực nào đó tự xem những giá trị văn hóa của dân tộc mình là “kiểu mẫu” và có tính “phổ quát”, từ đó họ nảy sinh thái độ ngạo mạn và ý đồ áp đặt những giá trị ấy cho các dân tộc khác bằng một chính sách có thể gọi là “xâm lược văn hóa” với nhiều thủ đoạn cả trắng trợn và tinh vi.

Nằm trong bối cảnh chung ấy của thế giới, nền văn hóa thống nhất trong đa dạng của hơn 50 dân tộc anh em cùng sống chung trên dải đất Việt Nam, được hình thành và phát triển qua lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, cũng đang đứng trước cả những cơ hội lớn và những thách thức lớn. Cơ hội là khả năng xây dựng và phát triển thành công nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và mở rộng tiếp xúc, giao lưu, đối thoại với các nền văn hóa khác trên thế giới, qua đó những giá trị ưu tú của văn hóa Việt Nam có dịp tỏa sáng ra bên ngoài, đồng thời chúng ta lại có thể tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu đẹp thêm nền văn hóa dân tộc. Còn thách thức là nguy cơ đánh mất bản sắc, cốt cách riêng của mình, bị hòa tan vào một thứ “văn hóa thế giới đồng phục”, chứ không phải là hội nhập với nền văn hóa và văn minh nhân loại.

Mấy định hướng cơ bản

Để tận dụng được mọi cơ hội và vượt qua mọi thách thức nêu trên, thì việc bảo tồn sự đa dạng văn hóa và tăng cường tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của nước ta hiện nay cần tuân theo mấy định hướng cơ bản sau:

Thứ nhất, biết mình, biết người

Thực hiện sự cam kết với tính đa dạng văn hóa nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa bao giờ cũng đòi hỏi ở những người đại diện hay thuộc về các cộng đồng văn hóa khác nhau hai phẩm chất cơ bản: i) Thấm nhuần càng sâu càng tốt những

giá trị văn hóa ưu tú của dân tộc mình; ii) Hiểu biết càng rộng càng hay những tinh hoa văn hóa của dân tộc khác.

Đây chính là triết lý “*biết mình, biết người*”. Cần biết cả chỗ mạnh và chỗ yếu của mình và của người một cách tỉnh táo, thực tế, khách quan.

Như trên đã trình bày, đặc điểm của môi trường tự nhiên, của điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và của những quan hệ nhiều mặt với bên ngoài, mà dân tộc ta từng kinh qua trong lịch sử phát triển của mình, đã hình thành nên những đặc tính của con người Việt Nam. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường sâu sắc, tinh thần hiếu học, sự cỏi mở, lòng khoan dung, tính nhạy bén và linh hoạt trong tiếp xúc, giao lưu với nhiều cộng đồng văn hóa khác. Nhưng bên cạnh đó, do sự bảo lưu quá lâu nhiều tàn dư của phương thức sản xuất Á châu trì trệ, lại chịu sự chi phối của triết lý trọng nông, ức thương của các vương triều phong kiến, trong khi chế độ giáo dục một thời gian dài trước đây (và đến cả ngày nay nữa) thường thiên về lối học khoa cử, nặng lý thuyết suông, xa rời thực tế, cho nên người Việt ít có đầu óc phát minh sáng chế lớn về khoa học - kỹ thuật, nếp tư duy và lối làm ăn thường manh mún, dàn trải, cào bằng, dễ chủ quan thỏa mãn và thiếu tầm nhìn xa...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, con thuyền Việt Nam đang vươn ra biển lớn cùng thế giới đua tranh. Vì thế, lúc này hơn bao giờ hết, cộng đồng dân tộc Việt Nam cần phải biết tận lực chấn hưng nền giáo dục nước nhà, phát huy những giá trị văn hóa ưu trội của mình, khẩn trương

bổ sung những giá trị thiếu hụt, tinh tảo gặt bỏ những cái lạc hậu, lỗi thời. Trên cơ sở đó hình thành nên một nguồn nhân lực có trí tuệ cao, hoài bão lớn và bản lĩnh vững vàng để đủ sức làm lan tỏa những cái hay, cái đẹp của văn hóa Việt Nam ra bên ngoài, đồng thời lựa chọn tiếp thu những yếu tố nhân bản, khoa học, hợp lý, tiến bộ của các nền văn hóa khác, cả cổ kim Đông Tây, xem đó là nhân tố cực kỳ quan trọng thúc đẩy các tiềm năng, nhân lên mọi nguồn cảm hứng sáng tạo, làm nên những giá trị văn hóa vật chất và giá trị văn hóa tinh thần mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, “sánh vai với các cường quốc năm châu”, như Bác Hồ từng mong muốn lúc sinh thời.

Thứ hai, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa “nhận và cho”

Văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa mở. Vào những thời kỳ hưng thịnh của mình, văn hóa Việt Nam luôn dựa trên ba trụ cột chính: i) Năng lực sáng tạo những giá trị văn hóa nội sinh; ii) Khả năng tiếp nhận có lựa chọn những giá trị văn hóa ngoại sinh; iii) Khả năng kết hợp những giá trị nội sinh và ngoại sinh, tạo nên những giá trị văn hóa mới đáp ứng yêu cầu phát triển của dân tộc trong xu thế phát triển chung của nhân loại.

Đặc biệt, với những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, mà mũi nhọn là công nghệ thông tin và truyền thông, ngày nay Việt Nam có thể và cần phải tận dụng những điều kiện mới do thời đại mang lại để mở rộng hơn nữa tầm nhìn ra bên ngoài,

lựa chọn học hỏi có hiệu quả hơn nữa những cái hay, cái đẹp của nhiều nền văn hóa trên thế giới.

Chẳng hạn, chúng ta có thể và cần phải:

- Học từ đất nước “Mặt trời mọc” kinh nghiệm kết hợp hài hòa giữa “*kỹ thuật phương Tây + đạo lý Nhật Bản*” trong quá trình duy tân để hiện đại hóa đất nước;

- Học từ nước bạn Ấn Độ ý chí đột phá vào công nghệ thông tin để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của các sản phẩm kinh tế, cũng như các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật.

- Học từ đảo quốc mang biểu tượng Sư tử hoài bão xây dựng mô hình phát triển tương lai theo công thức “*Đông Tây + những đặc tính Singapore*” về chữ tín, tri thức, sự liên kết và cuộc sống (Dẫn theo Minh Hoàng, 2007).

- Học từ Hàn Quốc “*bài học hóa rồng*” trên cơ sở đầu tư mạnh cho phát triển giáo dục trung học và đại học chất lượng cao...

Nhưng học hỏi thế giới hoàn toàn không có nghĩa là sao chép nguyên xi mọi kinh nghiệm của nước ngoài. Bởi mỗi nước, mỗi dân tộc đều có những đặc điểm riêng về điều kiện địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội và truyền thống văn hóa. Vì thế, mọi sự sao chép rập khuôn một mô hình nào đấy sớm muộn đều dẫn đến thất bại. Theo kinh nghiệm ngàn đời của ông cha, chúng ta phải học tập bên ngoài với tinh thần độc lập và tự chủ cao. Học tập bên ngoài để tạo nên những giá trị tăng thêm, nhất là sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới có khả năng giải quyết thành công những

vấn đề của đất nước mình, dân tộc mình và qua đó góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại.

Về điều này, Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Mình có thể bắt chước cái hay của bất cứ nước nào ở Âu - Mỹ, nhưng *điều cốt yếu là sáng tác*. Mình đã hưởng cái hay của người thì cũng phải có cái hay cho người khác hưởng. Mình đừng chịu vay mà không trả” (Báo *Cứu quốc*, 1945).

Đây chính là sự vận dụng phép biện chứng của “*nhận và cho*”, “*vay và trả*” trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa.

Thứ ba, phát huy tiềm năng sáng tạo văn hóa độc đáo của dân tộc, tăng cường đối thoại với các nền văn hóa khác, tạo điều kiện đi nhanh hơn vào kinh tế tri thức

Một trong những đặc trưng nổi bật của giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay là sự ra đời của kinh tế tri thức dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại. Trong nền kinh tế tri thức, cái kinh tế và cái văn hóa thật sự đan quyện vào nhau. Cái văn hóa – thể hiện ở năng lực vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ trong lao động sản xuất – đóng vai trò động lực thúc đẩy việc làm ra nhiều giá trị gia tăng của các ngành, các sản phẩm kinh tế. Ngược lại, cái kinh tế ngày càng phát triển thì càng có yêu cầu, đồng thời càng tạo thêm điều kiện cho con người – với tư cách là mỗi cá nhân và cả cộng đồng dân tộc – phát huy hơn nữa tiềm năng sáng tạo văn hóa độc đáo.

Từ hơn 150 năm trước, C. Mác đã từng dự báo: Trong nền kinh tế tri thức, “thời gian lao động không còn là

và phải không còn là thước đo của cái nữa... Mà nói chung là việc giảm lao động cần thiết của xã hội xuống mức tối thiểu, tương ứng với điều đó là *sự phát triển nghệ thuật, khoa học*, v.v... của các cá nhân nhờ thời gian đã được giải tỏa cho mọi người và nhờ những phương tiện đã được tạo ra để thực hiện điều đó” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2006, tr.370-371).

Trong những điều kiện như thế, nếu có trong tay một phương tiện công nghệ thông tin hiện đại thì mỗi cá nhân người lao động có học vấn và có năng khiếu nhất định nào đó đều có thể viết bài, làm tin, quay phim, chụp ảnh, sáng tác âm nhạc... và tải lên mạng toàn cầu bằng rộng những tác phẩm khoa học, văn học, nghệ thuật hết sức đa dạng của mình để trao đổi với tất cả những ai quan tâm ở cả trong và ngoài nước.

Vị thế cá nhân trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các cộng đồng văn hóa khác nhau ngày càng tăng lên. Mọi chân trời đều mở rộng cho những tài năng thật sự.

Mặc dù hiện nay, chỉ số phát triển kinh tế tri thức của Việt Nam còn thấp, song nếu biết tranh thủ điều kiện thuận lợi do thời đại mang lại, Việt Nam có nhiều khả năng thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hóa “rút ngắn” theo hướng hiện đại, để đi nhanh vào kinh tế tri thức trên cơ sở “kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr.88).

Thực hiện được điều đó thì mỗi sản phẩm kinh tế của nước ta đem ra trao

đối với thế giới đều chứa đựng trong nó một hàm lượng trí tuệ, hàm lượng văn hóa cao. Ngược lại, mỗi cuộc tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa văn hóa Việt Nam với các nền văn hóa khác đều có thể góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu hơn về kinh tế và về các lĩnh vực khác.

Thứ tư, bảo tồn sự đa dạng văn hóa và tiếp biến văn hóa thông qua đối thoại với nhận thức “cầu đồng, tồn dị”

Xét về thực chất “cầu đồng, tồn dị” bắt nguồn từ nhận thức về mối quan hệ giữa những cái chung nhân loại và cái riêng dân tộc trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa. Đáng chú ý là, trong bối cảnh thế giới ngày nay, làn sóng toàn cầu hóa về kinh tế đang tràn đến mọi “hang cùng ngõ hẻm” của hành tinh này. Nhưng làn sóng kinh tế đó không thể dẫn đến đồng nhất hóa văn hóa toàn cầu.

Kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, Nhật Bản là nước tham gia quá trình quốc tế hóa, rồi tiến tới toàn cầu hóa từ hơn một thế kỷ nay. Song cho đến giờ Nhật Bản vẫn không đánh mất bản sắc văn hóa của mình. Tương tự như vậy, hiện nay Ấn Độ, Trung Hoa cũng đang tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng liệu có ai có thể nghĩ rằng mấy chục năm sau, những nền văn hóa giàu bản sắc và có nguồn gốc từ 5.000 năm này sẽ bị đồng hóa bởi nền văn hóa của bất cứ quốc gia nào khác.

Ngày nay, chính với nhận thức “cầu đồng, tồn dị” trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa, chúng ta muốn tìm ra những điểm tương đồng làm chỗ dựa cho sự xích lại gần nhau

giữa văn hóa Việt Nam với các nền văn hóa đa dạng trong khu vực và trên thế giới. Đó là nguyện vọng tha thiết về sự chung sống hòa bình trong độc lập, tự do giữa các dân tộc. Đó là quyết tâm tạo ra sự chuyển biến thật sự trong việc bảo vệ môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững của các thể hệ hôm nay và mai sau. Đó là ước mơ đạt đến những thành tựu mới về khoa học - công nghệ và đem những thành tựu đó phục vụ cuộc sống hạnh phúc của con người...

Thực hiện “cầu đồng, tồn dị” trong đối thoại giữa các nền văn hóa, chúng ta còn có mục đích phát hiện những điểm đặc thù về giá trị quan giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác. Nhưng những điểm đặc thù ấy tự chúng không làm cho các nền văn hóa xa cách nhau, thành kiến với nhau, thậm chí “đụng độ” với nhau, như Samuel Huntington từng ra sức biện minh. Trái lại, “cầu đồng, tồn dị” khuyến khích các nền văn hóa khác nhau học cách cùng tồn tại với nhau và cùng góp phần riêng của mình vào việc thúc đẩy nền văn minh nhân loại tiến về phía trước.

Điều có ý nghĩa then chốt hơn cả của “cầu đồng, tồn dị” là trên cơ sở khám phá những giá trị chung cũng như những giá trị đặc thù thông qua đối thoại, nền văn hóa Việt Nam và các nền văn hóa của những dân tộc khác sẽ thực hiện sự tương tác - chia sẻ - thâm hóa lẫn nhau không phải theo hướng có một nền văn hóa trong số đó lấn át hoặc đồng hóa các nền văn hóa khác, mà theo hướng các nền văn hóa cùng làm cho nhau trở nên phong phú hơn, trong khi mỗi nền văn hóa vẫn giữ được bản sắc riêng của mình □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kofi Annan (2002), *Đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh*, Ngô Thế Phúc dịch, Tài liệu phục vụ nghiên cứu của Viện Thông tin Khoa học xã hội, số TN 2002-60, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 46, phần II (2006), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Minh Hoàng (2007), *Thế giới. Singapore*, <http://dulich.tuoiitre.vn/thegioi/199110/the-gioi-singapore.html>
4. Edgar Morin (2004), *Dialogue Assumes Equality*, trong: UNESCO (2004), *The New Courier*, January.
5. Hữu Ngọc (2004), *Đối thoại liên văn hóa giữa Việt Nam và phương Tây*, Kỷ yếu Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương về “Đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh vì hòa bình và phát triển bền vững”, Hà Nội, tháng 12.
6. Kōichirō Matsuura (2005), *Vai trò của UNESCO trong thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội - Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Việt Nam, Hà Nội.
7. Hà Văn Tấn (1981), “Giao lưu văn hóa ở người Việt cổ”, Tạp chí *Nghiên cứu nghệ thuật*, tháng 5.
8. Trần Dân Tiên (1949), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thúc (1949), *Hồ Chí Minh truyện*, Nxb. Tam Liên, Thượng Hải, tháng 6.
9. *Báo Cứu quốc*, số ra ngày 9/10/1945.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. UNESCO (1998), *The Silk Roads - High Way of Culture and Commerce*, Paris.